

Số: 111/QĐ-THPTXTB

Xuân Trường, ngày 13 tháng 04 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách nhà nước và công khai
thuyết minh thực hiện dự toán ngân sách nhà nước quý I năm 2026**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT XUÂN TRƯỜNG B

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Theo đề nghị của bộ phận tài vụ nhà trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách nhà nước và công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán quý I năm 2026 của Trường THPT Xuân Trường B (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận Tài vụ nhà trường chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Trần Xuân Trà

Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Trường THPT Xuân Trường B

Chương: 422

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Xuân Trường, ngày 13 tháng 04 năm 2026

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ I NĂM 2026

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường THPT Xuân Trường B công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách quý I năm 2026 như sau:

ĐV tính: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
2	Phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp.....				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi phí quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
2	Phí				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	21.623,000	6.758,172	31,25	
I	Nguồn ngân sách trong nước				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	21.623,000	6.758,172	31,25	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	19.101,000	4.406,172	23,07	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	2.522,000	2.352,000	93,26	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
5.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				

Xuân Trường, ngày 13 tháng 04 năm 2026

Thủ trưởng đơn vị



Trần Xuân Trà

THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ I NĂM 2026

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường THPT Xuân Trường B công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách quý I năm 2026 như sau:

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ghi chú
1	2	3	4	5	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	21.623,000	6.758,172	31,25	
I	Nguồn ngân sách trong nước	21.623,000	6.758,172	31,25	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	21.623,000	6.758,172	31,25	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	19.101,000	4.406,172	23,07	
a.	Chi thanh toán cho cá nhân		4.287,740	22,45	
b.	Chi về hành hóa, dịch vụ		81,035	0,42	
c	Các khoản chi khác		37,397	0,20	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	2.522,000	2.352,000	93,26	Rút NS cấp bù học phí 2026 chuyển sang nguồn Học phí
a.	Chi thanh toán cho cá nhân				
b.	Chi về hành hóa, dịch vụ				
c	Các khoản chi khác		2.352,000	93,26	

Xuân Trường, ngày 13 tháng 04 năm 2026



Thủ trưởng đơn vị

HIỆU TRƯỞNG
TRẦN XUÂN TRÀ

Mã chương: 422

Đơn vị: Trường THPT Xuân Trường B

Mã ĐVQHNS: 1014093

Mã cấp NS: 2



Người ký: Nguyễn Thanh Đức
Ngày ký: 03/04/2026 10:22:58
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: KBNN Khu vực V-PGD
số 7
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ đối
chiếu xác nhận số dư

Mẫu số 20c

Ký hiệu: 02a-SDKP/ĐVDT

BẢNG ĐỐI CHIẾU TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẢNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Quý 1 /Năm 2026

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã NDKT	Mã CTMT, DA	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5=1+3	6=2+4
Cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục đào tạo theo chế độ	12	074	7766	00000	0	0	2.352.000.000	2.352.000.000	2.352.000.000	2.352.000.000
Lương theo ngạch, bậc	13	074	6001	00000	0	0	2.360.123.467	2.360.123.467	2.360.123.467	2.360.123.467
Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	13	074	6051	00000	0	0	70.059.660	70.059.660	70.059.660	70.059.660
Phụ cấp chức vụ	13	074	6101	00000	0	0	31.941.000	31.941.000	31.941.000	31.941.000
Phụ cấp ưu đãi nghề	13	074	6112	00000	0	0	715.185.700	715.185.700	715.185.700	715.185.700
Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	13	074	6113	00000	0	0	3.510.000	3.510.000	3.510.000	3.510.000
Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	13	074	6115	00000	0	0	466.532.470	466.532.470	466.532.470	466.532.470
Chi khác	13	074	6299	00000	0	0	5.250.000	5.250.000	5.250.000	5.250.000
Bảo hiểm xã hội	13	074	6301	00000	0	0	512.714.338	512.714.338	512.714.338	512.714.338
Bảo hiểm y tế	13	074	6302	00000	0	0	87.857.904	87.857.904	87.857.904	87.857.904
Bảo hiểm thất nghiệp	13	074	6304	00000	0	0	29.286.001	29.286.001	29.286.001	29.286.001
Chi khác	13	074	6449	00000	0	0	15.397.200	15.397.200	15.397.200	15.397.200
Tiền điện	13	074	6501	00000	0	0	16.836.905	16.836.905	16.836.905	16.836.905
Tiền nước	13	074	6502	00000	0	0	4.266.120	4.266.120	4.266.120	4.266.120
Vật tư văn phòng khác	13	074	6599	00000	0	0	4.345.000	4.345.000	4.345.000	4.345.000
Khác	13	074	6649	00000	0	0	3.883.000	3.883.000	3.883.000	3.883.000

Thuê phương tiện vận chuyển	13	074	6751	00000	0	0	17.652.000	17.652.000	17.652.000	17.652.000
Thuê thiết bị các loại	13	074	6754	00000	0	0	7.020.000	7.020.000	7.020.000	7.020.000
Thuê lao động trong nước	13	074	6757	00000	0	0	22.000.000	22.000.000	22.000.000	22.000.000
Các thiết bị công nghệ thông tin	13	074	6912	00000	0	0	9.900.000	9.900.000	9.900.000	9.900.000
Chi mua hàng hóa, vật tư	13	074	7001	00000	0	0	3.512.000	3.512.000	3.512.000	3.512.000
Đồng phục, trang phục, bảo hộ lao động	13	074	7004	00000	0	0	8.370.000	8.370.000	8.370.000	8.370.000
Chi thanh toán các dịch vụ công cộng, vật tư văn phòng, thông tin tuyên truyền, liên lạc, chi đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, công tác Đảng, các chi phí Đảng vụ khác và phụ cấp cấp ủy	13	074	7854	00000	0	0	10.530.000	10.530.000	10.530.000	10.530.000
Cộng:					0	0	6.758.172.765	6.758.172.765	6.758.172.765	6.758.172.765
Phần KBNN ghi:										

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 3 tháng 4 năm 2026

Kế toán

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Tung02 Le Thanh

Người ký: Duc02 Nguyen Thanh
Ngày ký: 03/04/2026 10:22:58
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: KBNN Khu vực V-PGD số 7

Duc02 Nguyen Thanh

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 3 tháng 4 năm 2026

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Người ký: Đặng Thị Vui
Ngày ký: 03/04/2026 08:17:59
Đơn vị: Trường THPT Xuân Trường B

Người ký: Trần Xuân Trà
Ngày ký: 03/04/2026 09:20:41
Đơn vị: Trường THPT Xuân Trường B

Đặng Thị Vui

Trần Xuân Trà